TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 38/2018/QĐST- HNGĐ	*Ninh Hải, ngày 17 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2018/TLST/ HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa:

- ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm: 1977.

- ***Bị đơn***: Ông Tăng Thanh P – sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: Thôn T 1, xã TH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận.

- Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 09/4/2018;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 09/4/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Tăng Thanh P

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Tăng Bảo V, sinh ngày 20/6/2006 và cháu Tăng Bảo M, sinh ngày 28/9/2001. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn*) đồng / 01 tháng kể từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo

lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về hôn nhân*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0015569 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng. Ông Tăng Thanh P phải chịu 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng).

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV);
- UBND (xã/phường) nơi đăng ký kết hôn.

Thẩm phán

Đã ký

Trần Thị Thu Hằng